

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **15** /2023/NQ-NĐND

Long An, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Chương trình
mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Theo Tờ trình số 1834/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết một số nội dung và mức chi
thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn
tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 655/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Chương
trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An như
sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Chương
trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Đối với một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số lồng
ghép vào nội dung chi các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng
nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng kinh phí thực
hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh
Long An.

2. Nội dung và mức chi

Theo phụ lục chi tiết đính kèm.

3. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 (kỳ họp lệ giữa năm 2023) thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ QH (b/c) ;
- Chính phủ (b/c);
- VP QH, VP CP (TP. HCM) (b/c) ;
- Bộ Y tế ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBND TTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo) ;
- Lưu: VT (NgC).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được



Phụ lục
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DẤU SỐ
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN
(Kèm theo Nghị quyết số: **15** /2023/NQ-HĐND ngày **12**/7/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Mức chi
A	Nội dung, mức chi chung	
1	Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung Chương trình	
	<i>Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung</i>	
	- Chi thù lao người thực hiện tư vấn	Giảng viên, báo cáo viên là Bí thư Tỉnh ủy: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.
		Giảng viên, báo cáo viên là Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh; Giáo sư chuyên gia cao cấp, chuyên viên cao cấp: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.

TT	Nội dung chi	Mức chi
		- Giảng viên, báo cáo viên cấp Cục, Vụ, Viện; Phó Giáo sư, Tiến sĩ, giảng viên chính, Chuyên viên chính; Tỉnh ủy viên, Phó chủ tịch HĐND tỉnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh; trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp huyện; Phó Bí thư Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy, Trưởng các ban Đảng của Tỉnh ủy: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan. - Đối với giảng viên, báo cáo viên là Bác sỹ chuyên khoa 2: 1.200.000đồng/người/buổi.
		Giảng viên, báo cáo viên là phó các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Phó các ban Đảng của Tỉnh ủy; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan. - Đối với giảng viên, báo cáo viên là Bác sỹ chuyên khoa 1, Thạc sỹ, Bác sỹ nội trú: 1.000.000đồng/người/buổi.
		Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh

TT	Nội dung chi	Mức chi
		<i>Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.</i>
		<i>Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp huyện: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.</i>
		<i>- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp xã: Thực hiện theo khoản 5.2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan.</i> <i>- Đối với giảng viên, báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế ấp là cán bộ cấp xã: 400.000 đồng/người/buổi.</i>
2	Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các dự án của chương trình (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là KCB) với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án kết hợp quân dân y. Riêng đối với dự án tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc). Nội dung và mức chi bao gồm:	

TT	Nội dung chi	Mức chi
	Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:	
	- Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước	Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang ven biển, xã biên giới theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại. Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.
	- Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước	Người trực tiếp khám, xét nghiệm: Mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên nếu có): mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
B	Nội dung, mức chi đặc thù của từng hoạt động chuyên môn	
1	Hoạt động phòng, chống phong	
<i>a</i>	<i>Chi mua, sản xuất vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>	Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
<i>b</i>	<i>Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị</i>	

TT	Nội dung chi	Mức chi
	<i>liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành:</i>	
	- Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng	200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.
	- Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng	400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.
<i>c</i>	<i>Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ</i>	
	Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại Trạm Y tế xã, cơ sở y tế khu vực	50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày.
2	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh Sốt rét</i>	
	<i>Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm</i>	130.000 đồng/người/đêm.
3	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh sốt xuất huyết:</i>	
<i>a</i>	<i>Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình</i>	
	- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm)	25.000 đồng/mẫu.
	- Xét nghiệm PCR; giải trình tự gen	30.000 đồng/mẫu.
<i>b</i>	<i>Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút</i>	40.000 đồng/mẫu.
<i>c</i>	<i>Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi</i>	Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
<i>d</i>	<i>Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình)</i>	3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
<i>đ</i>	<i>Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép</i>	
	- Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch (Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền	50.000 đồng/người/ngày.

TT	Nội dung chi	Mức chi
	thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao)	
	- Bồi dưỡng phát thanh viên	100.000 đồng/người/ngày.
4	Hoạt động tiêm chủng mở rộng	
<i>a</i>	<i>Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc-xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình</i>	Đối với xã ĐBK: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc-xin).
		Đối với các xã còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc-xin).
<i>b</i>	<i>Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc-xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc-xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc-xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:</i>	Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).
		Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).
<i>c</i>	<i>Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc-xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:</i>	- Xã ĐBK: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều. - Các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.
<i>d</i>	<i>Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định</i>	- Xã ĐBK: 520.000 đồng/ca bệnh. - Các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.
<i>đ</i>	<i>Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền</i>	Đối với xã ĐBK: 300.000 đồng/ca bệnh. Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.
<i>e</i>	<i>Chi bồi thường khi sử dụng vắc-xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của người được tiêm chủng</i>	Mức bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.
5	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	
	<i>Chi thẩm định các ca tử vong khi triển khai các dự án, hoạt động thuộc chương trình trong</i>	

TT	Nội dung chi	Mức chi
	<i>trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Thẩm định tử vong mẹ</i>	
	- Chi họp hội đồng thẩm định	
	+ Người chủ trì	<i>Thực hiện theo quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An</i>
	+ Thư ký	
	+ Thành viên	
	- Chi thuê người dẫn đường (nếu cần thiết)	<i>Thực hiện theo điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Long An</i>
6	<i>Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em</i>	
<i>a</i>	<i>Chi thù lao cộng tác viên dinh dưỡng</i>	50.000 đồng/1 cộng tác viên/tháng.
<i>b</i>	<i>Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì:</i>	6.000 đồng/người tham dự.
<i>c</i>	<i>Chi mua, vận chuyển sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng</i>	Việc mua sắm, vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
<i>d</i>	<i>Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:</i>	
	- Đối với xã ĐBK	4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).
	- Đối với xã còn lại	2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).
7	<i>An toàn thực phẩm</i>	

TT	Nội dung chi	Mức chi
a	Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm:	
	<i>Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi đặc thù bao gồm:</i>	
	- Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm:	1.000.000 đồng/đề cương.
	- Chi họp Hội đồng thử nghiệm thành thạo:	Thực hiện theo quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An
	- Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm:	1.000.000 đồng/báo cáo.
b	<i>Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ Chương trình:</i>	Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.
c	<i>Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:</i>	
	- Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO:	500.000 đồng/phương pháp thử.
	- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa:	100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng.
d	<i>Chi đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:</i>	
	- Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ:	1.000.000 đồng/đề cương.
	- Chi đánh giá nội bộ:	Thực hiện theo quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An
	- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ:	1.000.000 đồng/báo cáo.
	- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ:	200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

TT	Nội dung chi	Mức chi
8	Hoạt động phòng, chống giun sán và phòng chống ký sinh trùng:	
	Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành (người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước)	
	- Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm)	- Mức hỗ trợ xã ĐBKK: 125.000 đồng/người/ngày. - Mức hỗ trợ các xã còn lại: 90.000 đồng/người/ngày.
	- Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc	- Mức hỗ trợ xã ĐBKK: 65.000 đồng/người/ngày. - Mức hỗ trợ các xã còn lại: 40.000 đồng/người/ngày.
9	Bảo vệ sức khỏe tâm thần	
	Hỗ trợ nhân viên y tế ấp, khu phố tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng	- 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng nhưng không quá 100.000 đồng/ấp, khu phố/tháng.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại văn bản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.